
TÍN TÂM MINH

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Tam tổ Tăng Xán dưới chiêu thức xuất cách của Nhị tổ Huệ Khả đã khai mở được cánh cửa tâm từ vô thủy kiếp tới nay. Nhờ đó bệnh ghẻ lở toàn thân dứt sạch. Tâm ấy là gì mà hiệu dụng lớn lao đến thế? Nhị Tổ bảo “Tâm ấy là Phật, tâm ấy là pháp. Phật pháp không hai”. Chỉ một nguồn chân vô nhiễm, vô úy có thể dung chứa toàn thể pháp giới vô lượng. Thế nên Tổ sư nói chẳng gì hơn tin tâm mình. Tin được tâm thì thoát ly sanh tử, chưa thể tin được tâm thì chưa thể thương lượng với vua Diêm-la nổi đâu.

Tổ sư không nhiều lời, quý ở chỗ thật dụng. Cho nên chỉ thú một đời ngài gửi gắm cho người sau, nằm vồn vện trong vài trang Tín Tâm Minh. Học nhân thấu được thì cùng Phật tổ đồng đường. Bằng ngược lại, đành cam chịu nhiều kiếp lang thang trong nẻo khổ luân hồi.

Hòa thượng ân sư đã giảng giải bản Tín Tâm Minh này cho tăng ni Phật tử trong thời gian ngài trực tiếp hướng dẫn chúng ta tu thiền. Vì thương tưởng hàng hậu học còn mê mờ bản tâm, chưa biết lối thoát, nên Hòa thượng thi thiết dạy dỗ thật chăm chút kỹ lưỡng. Với tấm lòng từ bi của chư bậc tôn túc xưa cũng như nay, thiết tưởng chúng ta không y cứ theo đây nỗ lực tu hành, thì thật đáng buồn lắm thay!

Chính vì thấy sự cần thiết và lợi ích này, chúng tôi đã biên tập lại tác phẩm Tín Tâm Minh giảng giải của Hòa thượng, mong được chia sẻ với tất cả pháp hữu có duyên tu thiền niềm vui chân thật sâu kín trong mỗi chúng ta. Chỉ mong các thiện tri thức xem qua tác phẩm được ý quên lời mà nhận và tin tâm mình như Tổ sư đã chỉ dạy. Vì tác phẩm biên tập từ văn nói, nhất định có nhiều sơ suất, kính mong các bậc cao đức và độc giả lượng thứ cho.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 27-12-2006

Trưởng Ban Văn Hóa Thường Chiếu

Kính ghi

Tỳ-kheo THÍCH NHẬT QUANG

TÍN TÂM MINH GIẢNG GIẢI

Nay tôi giảng bài Tín Tâm Minh của tổ Tăng Xán. Tổ Tăng Xán là tổ thứ ba, đệ tử của tổ Huệ Khả. Tổ không đi truyền bá giảng dạy sâu rộng, chỉ có một người đệ tử thừa kế là ngài Đạo Tín và một tác phẩm *Tín Tâm Minh*, là một bản văn rất gọn và đầy đủ ý nghĩa trong nhà thiền. Tổ tóm gọn tinh yếu của thiền qua bao nhiêu lời, bao nhiêu chữ, đề tựa là *Tín Tâm Minh*. *Minh* là ghi là khắc lại, *Tín Tâm* là tin tâm, ghi lại cho người đọc nương theo tu tập, để nhận ra tâm mình. Học thiền, chúng ta học Pháp Bảo Đàn mà không học Tín Tâm Minh là không được.

至道無難
 唯嫌揀擇
 但莫憎愛
 洞然明白

Âm:

*Chí đạo vô nan,
 Duy hiềm giản trạch.
 Đản mặc tắng ái,
 Đỗng nhiên minh bạch.*

Dịch:

**Chí đạo không khó,
 Chỉ hiềm lựa chọn.
 Chớ khởi yêu ghét,
 Rỗng suốt minh bạch.**

Giảng:

*Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch. Chí đạo là chỗ tột cùng, vô nan là không khó, duy là chỉ, hiềm là không bằng lòng, giản trạch là lựa chọn. Chỗ đạo tột cùng không khó, mà khó tại chỗ còn chọn lựa. Chí đạo có chỗ gọi là chân tâm, là Phật tánh, là đại đạo... Đối với chân tâm Phật tánh, chúng ta muốn sống được không phải khó. Sở dĩ khó là tại chúng ta quên, chọn lựa; nghĩa là đối với cảnh liên sanh tâm phân biệt tốt, xấu, hay, dở... là trái với đạo rồi. Vì vậy nên nói *Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch*. Tám chữ này nói lên chỗ tột cùng,*

chúng ta muốn sống được với tâm thể chân thật thì không khó khăn gì, chỉ đừng khởi tâm phân biệt chọn lựa. Vì chọn lựa là tâm hư vọng, nếu không sống với tâm hư vọng thì tâm chân thật hiện ra.

Đản mạc tắng ái, đống nhiên minh bạch. Ở trên nói giản trạch là chọn lựa, đây bảo chớ khởi yêu ghét thì rõ ràng minh bạch. Yêu ghét là bệnh, đó là gốc của sanh tử luân hồi, hết yêu ghét thì tâm rỗng rang sáng suốt.

Chí đạo không khó, chỉ vì chúng ta chọn lựa nên thành khó. Bây giờ muốn cho Đạo hiện ra thì chớ có tâm yêu ghét, nếu không yêu ghét thì nó rỗng rang minh bạch. Không cần tìm kiếm đâu xa, không phải lên núi cao vào rừng rậm mới có đạo, mà chỉ dứt sạch tâm chọn lựa, buông được cái yêu ghét thì đạo hiện tiền.

毫 釐 有 差
天 地 懸 隔
欲 得 現 前
莫 存 順 逆

Âm:

*Hào ly hữu sai,
Thiên địa huyền cách.
Dục đắc hiện tiền,
Mạc tồn thuận nghịch.*

Dịch:

**Sai lạc đường tơ,
Đất trời xa cách.
Muốn được hiện tiền,
Chớ còn xuôi ngược.**

Giảng:

Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách. Nếu sai chừng một hào một ly thì cách xa bằng trời với đất. Đối với việc tu hành chúng ta phải hiểu đến cội gốc, chớ khởi niệm tìm cầu Niết-bàn, tìm cầu chứng đắc, vừa khởi niệm tìm cầu là sai, là cách xa Đạo rồi, khi đã sai thì cách xa Đạo bằng trời với đất. Cho nên nhiều người tu muốn đạt Đạo lại dụng tâm thế này thế kia, đã không được, lại càng xa Đạo.

Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch. Muốn cho Đạo hiện tiền thì chớ có thuận nghịch; vừa có niệm thuận nghịch hai bên thì Đạo không hiện tiền. Nếu dứt được thuận nghịch thì Đạo liền hiện.

Tám câu này chủ yếu Tổ dạy muốn sống được với Đạo chân thật, không gì hơn là đừng phân biệt chọn lựa hai bên. Nếu không phân biệt thì yêu ghét không, chạy theo hai bên cũng không. Vừa có niệm yêu ghét thuận nghịch thì mất Đạo rồi. Dứt niệm hai bên thì Đạo hiện tiền, minh bạch.

違 順 相 爭
是 為 心 病

不識玄旨
徒勞念靜

Âm:

*Vi thuận tương tranh,
Thị vi tâm bệnh.
Bất thức huyền chỉ,
Đồ lao niệm tịnh.*

Dịch:

**Thuận nghịch tranh nhau,
Đó là tâm bệnh.
Chẳng biết huyền chỉ,
Nhọc công niệm tịnh.**

Giảng:

Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh. Người tu vừa thấy đây là thuận kia là nghịch chống đối nhau, đó là tâm bệnh chứ không phải đạo, không phải thiền.

Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh. Vì chúng ta không biết ý chỉ u huyền này nên luống nhọc công niệm tâm thanh tịnh, cứ quán cái lạng lẽ cho đó là Đạo. Đạo là chỗ không còn kẹt hai bên, tâm không dính mắc các pháp đối đãi thì Đạo hiện tiền, vì còn kẹt hai bên là bệnh. Người biết yếu chỉ sâu huyền thì phải buông xả kiến chấp hai bên, khỏi nhọc công niệm tâm thanh tịnh.

圓 同 太 虛
 無 欠 無 餘
 良 由 取 捨
 所 以 不 如

Âm:

*Viên đồng thái hư,
 Vô khiếm vô dư.
 Lương do thủ xả,
 Sở dĩ bất như.*

Dịch:

**Tròn đồng thái hư,
 Không thiếu không dư.
 Bởi do thủ xả,
 Vì thế chẳng như.**

Giảng:

Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư. Tâm chân thật của mình tròn đồng thái hư, tức là rộng thênh thang như hư không, không thiếu cũng không dư.

Lương do thủ xả, sở dĩ bất như. Vì chúng ta còn thủ còn xả nên không được như như, muốn tâm mình Như thì đối với tất cả pháp đều không lấy, không bỏ. Hiểu như vậy mới thấy nơi mọi người chúng ta đều có tâm thể rộng khắp cả bầu trời thênh thang tự tại, bất sanh bất diệt nên mới nói nó là Như.

莫 逐 有 緣
勿 住 空 忍
一 種 平 懷
泯 然 自 盡

Âm:

*Mạc trục hữu duyên,
Vật trụ không nhẫn.
Nhất chủng bình hoài,
Dẫn nhiên tự tận.*

Dịch:

**Chớ theo duyên trần,
Cũng đừng không nhẫn.
Một lòng bằng phẳng,
Lặng yên tự dứt.**

Giảng:

Mạc trục hữu duyên, vật trụ không nhẫn. Chớ có theo duyên, cũng chớ trụ không nhẫn.

Nhất chủng bình hoài, dẫn nhiên tự tận. Chỉ tâm bằng phẳng, lặng yên dứt hết. Đừng chạy theo cái có, đừng chạy theo cái không, cái có cái không đều chẳng kẹt chẳng mắc thì tâm được yên ổn bằng phẳng, dứt hết mọi điên đảo rồi ren, tự nó dứt sạch tự nó yên ổn.

止 動 歸 止
 止 更 彌 動
 唯 滯 兩 邊
 寧 知 一 種

Âm:

*Chỉ động quy chỉ,
 Chỉ cánh di động.
 Duy trệ lưỡng biên,
 Ninh tri nhất chủng.*

Dịch:

**Ngăn động về tịnh,
 Hết ngăn lại động.
 Chỉ kẹt hai bên,
 Đâu biết một thứ.**

Giảng:

Chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động. Dừng cái động để về cái tịnh (chỉ), cái dừng đó lại càng thêm động. Niệm vừa dấy lên liền đè nó xuống, niệm trước vừa dừng, niệm sau lại càng dấy khởi. Nên càng đè cái động thì cái động nó dấy thêm chứ không dứt. Cũng như trái banh chọi vô tường, tưởng đâu nó dừng, chọi vô mạnh chừng nào nó dội lại mạnh chừng nấy. Đối với người tu thiền mà đè niệm thì sẽ có phản ứng bất thường. Người tu thường thường mắc hai lỗi: Một là buông thả, hai là kìm giữ.

Buông thả là phóng tâm theo cảnh, kìm giữ là không cho chạy theo cảnh. Hai cái đó không kẹt bên này cũng dính bên kia. Chỉ nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ biết, không theo niệm là được rồi. Nhìn thẳng nó, chứ không phải dè, vì càng dè càng thêm động.

Duy trệ lưỡng biên, ninh tri nhất chủng. Vì kẹt hai bên; bên có bên không bên phải bên quấy... đâu biết có một thứ. Kẹt hai bên không bao giờ thấy được cái chân thật.

一 種 不 通
兩 處 失 功
遣 有 沒 有
從 空 背 空

Âm:

*Nhất chủng bất thông,
Lưỡng xứ thất công.
Khiển hữu một hữu,
Tùng không bối không.*

Dịch:

**Một thứ chẳng thông,
Hai chỗ mất công.
Đuổi có mất có,
Theo không phụ không.**

Giảng:

Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công. Một thứ không thông thì hai chỗ mất công. Nghĩa là *cái một* mà không thấu, cứ chạy theo *cái hai* hoài, theo *hai* chừng nào càng uổng công chừng nấy, chứ không có lợi gì. Quý vị thấy tất cả chúng ta đều sống với *cái hai*, bởi vì sống với *cái hai* nên nằm trong đối đãi, mà nằm trong đối đãi thì không thấu lẽ thật. Càng chạy theo *cái* không thật thì kẹt mãi ở hai bên, càng phí sức uổng công chứ không tới đâu hết, buông được hai bên là trở về với Đạo.

Khiển hữu một hữu, tòng không bối không. Bây giờ dẹp *có* thì mất *có*, theo *không* thì trái *không*. Người tu cho *cái này có* bỏ nó đi thì *cái có* thành *không*, mà theo *không* lại trái với *không*. Thường thường chúng ta cứ nghĩ *cái này* là thật, *cái kia* là thật. Thấy *cái có* là thật cho nên muốn dẹp *cái có*, tức nhiên mất *cái có*. Còn theo *cái không* thì trái với *cái không*. Như vậy đối với *cái có*, *cái không* phải thế nào? Nếu cố tình dẹp *cái có* là đã chìm nơi *cái có*, hễ theo *cái không* tức trái với *cái không*. Vì *cái có* không thật mà chấp vào nó, hay cố dẹp tức là thấy nó thật rồi. Còn theo *cái không*, *cái không* cũng không thật, càng theo là càng trái với lẽ thật. Như vậy *cái có cái không* đừng dẹp cũng đừng theo, biết nó giả dối, tức nhiên không kẹt.

Tôi hay nhắc tất cả quý vị tu, nhiều người cứ than vọng tưởng khó trị, khổ với ba cái vọng tưởng này quá. Lo sợ vọng tưởng, cố ý chống đối dẹp bỏ, thì vô tình mình thấy nó là thật. Ví dụ như bóng con cọp,

biết đó là bóng cạp mình có sợ không? Biết nó là bóng không thật mà sợ thì đó là si mê. Phải hiểu rõ như vậy. Biết vọng tưởng không thật mà cứ sợ, không si mê là gì? Không cần dẹp vọng tưởng, biết vọng không theo là đủ rồi. Dùng cái này để trị, dùng cái kia để dẹp, đó chỉ là bệnh. Cho nên phải hiểu cho thật rõ, cái không thật mà sợ thì nó biến thành thật. Ví dụ như ma, có thật không? Không. Bây giờ mình dấy niệm sợ nó, thì nó biến thành thật. Còn nếu biết ma không thật chỉ là bóng dáng thôi thì nó đâu có quấy phá. Dù nó hiện hình le lưỡi, nhăn răng đi nữa, chúng ta biết nó không thật, không hại được mình. Ngược lại, nơm nớp sợ, thấy bóng quế hồn ma nào phát phơ, thất thanh la hoảng lên, rồi bảo ma hớp hồn hớp vía thì hóa thành bệnh. Bệnh tại cái sợ, cái không đáng sợ mà sợ là ngu si. Vọng tưởng đâu đáng sợ vì nó hư vọng không thật, cái không thật mà sợ cũng là ngu si. Hiểu rõ như vậy, khi tu chúng ta mới gan dạ, mới tỉnh táo nhìn thẳng nó, nó là giả dối có gì đâu mà sợ. Nếu cố tình dẹp *cái có* thì mất *cái có*, cố tình chạy theo *cái không* là ngược lại với *cái không*. Muốn để cho tâm mình không sợ, càng muốn chừng nào càng có chừng đó. Như vậy để hiểu rõ hai cái *có* và *không* không thật thì không cần phải dẹp, không cần phải theo.

多言多慮
轉不相應
絕言絕慮
無處不通

Âm:

*Đa ngôn đa lự,
Chuyển bất tương ứng.
Tuyệt ngôn tuyệt lự,
Vô xứ bất thông.*

Dịch:

**Nói nhiều nghĩ nhiều,
Càng chẳng tương ứng.
Dứt nói dứt nghĩ,
Chỗ nào chẳng thông.**

Giảng:

Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ứng. Đây Tổ quở mấy người nhiều lời. Nói nhiều nghĩ nhiều thì càng chẳng tương ứng. Tức là không phù hợp với Đạo. Người học đạo mà nói nhiều, phân biệt lanh lẹ thì không phù hợp với Đạo. Các tổ bảo mình hãy để khóe miệng lên meo như cây quạt mùa đông. Bây giờ khóe miệng của chúng ta sôi bọt mép, cho nên càng ngày càng xa Đạo, chứ không hợp Đạo.

Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông. Dứt lời, dứt nghĩ, chỗ nào mà chẳng thông. Như vậy, người tu khi nào dứt nói dứt nghĩ thì thông suốt hết. Chỗ nào cũng là Đạo.

歸 根 得 旨
隨 照 失 宗

須 臾 返 照
勝 却 前 空

Âm:

*Quy căn đắc chỉ,
Tùy chiếu thất tông.
Tu du phản chiếu,
Thắng khước tiền không.*

Dịch:

**Về nguồn được chỉ,
Theo chiếu mất tông.
Phút giây soi lại,
Hơn không trước kia.**

Giảng:

Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông. Trở về gốc thì được yếu chỉ, theo chiếu thì mất tông, tức là mất ông chủ của mình. Chữ *chiếu* quý vị phải hiểu cho rõ ràng, đừng có hiểu lầm, chiếu có hai cách: Phản chiếu và tùy chiếu. Phản chiếu là soi trở lại mình, tùy chiếu là soi ra ngoài. Nếu mà soi ra ngoài thì thất tông, còn soi trở lại mình thì được lợi ích. Người tu thiền biết soi trở lại mình thì dễ nhận ra ông chủ. Nếu nhìn ra ngoài, cứ thấy, cứ nghe, cứ phân biệt cảnh phân biệt người, thì mất ông chủ, đó là lẽ đương nhiên không nghi ngờ gì hết.

Tu du phản chiếu, thắng khước tiên không. Trong chốc lát mà biết soi trở lại mình thì hơn cái không ở trước. Nếu đề niệm để tâm không, không bằng soi lại thấy rõ từng niệm dấy khởi, không theo nó là thù thắng nhất. Cho nên nói chỉ cần trong chốc lát soi lại mình thì cái đó thù thắng hơn cái không ở trước. Như vậy đồng thời một chữ chiếu mà dùng ở hai mặt. Người tu khác với người thế gian, người thế gian thì suốt ngày để sáu căn chạy theo sáu trần cho nên quên mất mình. Cứ chạy theo cái được mất hơn thua... chứ không biết soi trở lại chính mình. Người tu biết soi trở lại mình thấy rõ từng vọng niệm ở nội tâm, thấy rõ từng hành động của tự thân không lầm lẫn. Thấy thân là duyên hợp giả dối, thấy tâm là từng niệm dấy khởi, sanh diệt rõ ràng. Do thấy biết thân tâm giả dối không theo nên cái chân thật hiện tiền. Vì vậy phản chiếu là việc tu, còn tùy chiếu là mất ông chủ chắc chắn.

前空轉變
皆由妄見
不用求真
唯須息見

Âm:

*Tiền không chuyển biến,
Giai do vọng kiến.
Bất dụng cầu chân,
Duy tu tức kiến.*

Dịch:

**Không trước chuyển biến,
Đều do vọng kiến.
Chẳng cần cầu chân,
Chỉ cốt dứt kiến.**

Giảng:

Tiền không chuyển biến, giai do vọng kiến. Cái không trước hay chuyển biến, đều là do vọng thấy. Người nhận thấy cái không cho cái không là quan trọng, những người đó đều do nơi vọng kiến mà chấp như vậy. Tỷ dụ nghe nói tâm không, cho cái không đó là quý rồi tìm nó và đề vọng tưởng xuống để tâm không niệm. Như vậy là bám vào cái không, chấp chặt vào cái không. Chấp không là do cái không trước biến ra.

Bất dụng cầu chân, duy tu tức kiến. Người tu chủ yếu là không cầu chân; cầu chân là muốn thấy cho được chân tâm. Muốn thấy đã là bệnh rồi, chỉ cần dừng hết mọi kiến chấp, thì chân tâm hiện tiền. Chấp cái này thật, cái kia thật, cái này phải, cái kia quấy; vừa có những niệm chấp như vậy thì đã mất tâm chân thật rồi. Cho nên chủ yếu của sự tu hành là buông hết kiến chấp, kiến chấp hết thì chân tâm hiện tiền.

二 見 不 住
慎 勿 追 尋
纔 有 是 非
紛 然 失 心

Âm:

*Nhị kiến bất trụ,
Thận vật truy tâm.
Tài hữu thị phi,
Phân nhiên thất tâm.*

Dịch:

**Hai kiến chẳng trụ,
Dè dặt đuổi tìm.
Vừa có thị phi,
Lãng xãng mất tâm.**

Giảng:

Nhị kiến bất trụ, thận vật truy tâm. Thấy có thấy không mà không trụ, dè dặt chớ có đuổi theo.

Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm. Vừa có phải quấy thì lãng xãng, mất tâm chân thật rồi. Quý vị có thấy quyền kinh nào, quyền luận nào không quở thấy hai không? Phật tổ quở chạy theo phải quấy mà chúng ta hết chạy theo phải quấy chưa? Nếu hết phải quấy thì đâu có chuyện gì để nói, nên yên lặng điềm đạm. Người nào phải quấy nhiều thì người đó đa ngôn đa sự, lảm phiền nã. Bởi vì thấy phải thấy quấy nên gặp nhau thì nói ông kia phải, bà nọ quấy, cả ngày phải quấy lãng xãng; càng nói phải nói quấy là càng động càng loạn, rõ ràng như vậy. Người biết tu thì ít nói phải quấy, nên người xưa đã có câu: “Điểm thiết biến thành kim ngọc dị, khuyến nhân trừ khước thị phi nan”.

Nghĩa là biến sắt trở thành vàng ngọc, còn dễ hơn khuyên người ta bỏ nói phải quấy, điều đó khó lắm. Như vậy cái bệnh của chúng sanh là bệnh phải quấy, mà càng phải quấy là càng mất tâm chứ không thể nào an ổn được.

二 由 一 有
 一 亦 莫 守
 一 心 不 生
 萬 法 無 咎

Âm:

*Nhị do nhất hữu,
 Nhất diệt mạc thủ.
 Nhất tâm bất sanh,
 Vạn pháp vô cữu.*

Dịch:

**Hai do một có,
 Một cũng chớ giữ.
 Một tâm chẳng sanh,
 Muôn pháp không lỗi.**

Giảng:

Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ. Hai do một mà có, cái một cũng chớ giữ. Chỗ này là chủ yếu. Thường thường người ta nói hoặc là hai, hoặc là một, nếu không hai là một, không một là hai. Tại sao đạo Phật nói “pháp môn bất nhị”? Bất nhị là không hai, không hai sao không

nói một cho rồi? Nhiều người thắc mắc chỗ này. Ở đây Tổ nói hai là đối với một mà lập, bỏ hai giữ một là bệnh, phải buông hết cả một và hai.

Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cữu. Một tâm mà không sanh thì muôn pháp không có lỗi. Nếu bây giờ trước mắt chúng ta là vàng, ngọc, tơ lụa, sắc đẹp... chúng ta thấy tất cả mà không dấy niệm tốt xấu, như vậy có lỗi không? Không. Nhiều người than ở đời tài, sắc, danh, lợi quyến rũ thành ra khó tu. Quý vị thấy nó có quyến rũ không? Sắc tài đâu có quyến rũ, tại vì mình chạy theo, lại đổ thừa nó quyến rũ. Như cái đồng hồ trên bàn này có quyến rũ ai đâu. Tại chúng ta dấy niệm tham muốn lấy nó, rồi đổ thừa nó quyến rũ mình. Như vậy không có gì quyến rũ chúng ta hết, mà tại tâm chúng ta chạy theo. Vì không có tinh thần trách nhiệm nên người ta cứ đổ thừa, đổ thừa là cái bệnh vô trách nhiệm của con người. Ví dụ hai giờ đánh kếng đi công tác, có người nào đó nghe kếng mà không chịu đi, đến hai giờ rưỡi, hoặc ba giờ, Tri sự kêu hỏi sao đánh kếng rồi không đi công tác. Người đó trả lời tại cái này tại cái kia, tại là lý do để đổ thừa, luôn luôn có lý do chứ không bao giờ nhận lỗi. Chúng ta hiểu như vậy, thì muôn pháp đối với chúng ta không có lỗi lầm gì, lỗi lầm là ở chỗ chúng ta dấy niệm.

無 咎 無 法
不 生 不 心
能 隨 境 滅
境 逐 能 沈

Âm:

*Vô cữu vô pháp,
Bất sanh bất tâm.
Năng tùy cảnh diệt,
Cảnh trực năng trầm.*

Dịch:

**Không lỗi không pháp,
Chẳng sanh chẳng tâm.
Năng tùy cảnh diệt,
Cảnh theo năng chìm.**

Giảng:

Vô cữu vô pháp, bất sanh bất tâm. Không lỗi không pháp, chẳng sanh chẳng tâm. Vừa dấy niệm thì có pháp có tâm. Dấy niệm thì muôn pháp có lỗi, không dấy niệm thì không lỗi, không lỗi tức là không thấy có pháp nào; không thấy có pháp tức nhiên tâm không sanh, tâm không sanh nên không nói là tâm. Có sanh tức là dấy niệm nói là tâm tôi nghĩ. Bây giờ không dấy niệm thì nói tâm tôi nghĩ cái gì? Tức là không tâm, nên nói không lỗi không pháp, chẳng sanh chẳng tâm.

Năng tùy cảnh diệt, cảnh trực năng trầm. Năng chỉ cho tâm. Tâm theo cảnh mà diệt, cảnh theo tâm mà chìm. Tâm không sanh thì cảnh cũng không có; tâm đối cảnh, thấy cảnh giả dối không thật, thì tâm theo đó mà diệt. Nếu tâm diệt thì cảnh cũng theo tâm mà mất. Tâm và cảnh không rời nhau. Chúng ta tu có hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất nhìn lại mình thấy rõ từng tâm niệm dấy khởi, thấy nó giả dối không theo thì tâm niệm theo đó mà diệt. Trường hợp thứ hai là nhìn ra ngoài thấy người thấy vật đều là tướng duyên hợp hư giả, không chạy theo không dính mắc. Nếu biết người giả, cảnh giả, người cảnh tự mất, người cảnh mất thì tâm niệm cũng theo đó mà mất. Thấy nó tầm thường không quan trọng thì không nghĩ không nhớ, nếu thấy nó quan trọng thì nhớ nghĩ hoài. Đó là tâm cảnh liên hệ nhau như vậy.

境 由 能 境
 能 由 境 能
 欲 知 兩 段
 元 是 一 空

Âm:

*Cảnh do năng cảnh,
 Năng do cảnh năng.
 Dục tri lưỡng đoạn,
 Nguyên thị nhất không.*

Dịch:

**Cảnh bởi năng cảnh,
 Năng do cảnh năng.
 Muốn biết hai đoạn,
 Nguyên là một không.**

Giảng:

Cảnh do năng cảnh, năng do cảnh năng. Cảnh do tâm mà thành cảnh. Ví dụ cái đồng hồ này là cảnh, tại sao gọi là đồng hồ? Do tâm chúng ta đặt tên mới gọi là đồng hồ. Như vậy cảnh do tâm mới thành cảnh. Còn Năng do cảnh năng là nhân nơi cái đồng hồ chúng ta dấy niệm nghĩ cái đồng hồ. Vậy đồng hồ là cảnh, nhân nơi cảnh mà tâm dấy khởi. Do thấy cái đồng hồ rồi dấy niệm tốt xấu, cũ mới, cái tâm (vọng) có ra cũng do nơi cảnh mà có. Nếu thấy rõ cảnh không thật thì tâm (vọng) cũng theo đó mà mất. Hai câu cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng tức là cảnh do tâm mà thành cảnh, tâm vọng cũng do cảnh mà thành tâm (vọng). Hai cái liên hệ nhau, cảnh là tướng ở bên ngoài, tướng bên ngoài nó không có phân biệt, không có tên riêng, sử dĩ thành tên là do tâm vọng mình đặt tên mà có.

Dục tri lưỡng đoạn, nguyên thị nhất không. Muốn biết hai đoạn, nguyên là một cái không thôi. Hai đoạn tức hai bên, đều là giả hết nó không thật.

一 空 同 兩
齊 含 萬 像
不 見 精 麤
寧 有 偏 黨

Âm:

*Nhất không đồng lưỡng,
Tê hàm vạn tượng.*

*Bất kiến tinh thô,
Ninh hữu thiên đặng.*

Dịch:

**Một không đồng hai,
Đều gồm vạn tượng.
Chẳng thấy tinh thô,
Nào có thiên lệch.**

Giảng:

Nhất không đồng lưỡng, tê hàm vạn tượng. Một cái không đồng với hai, đều trùm cả vạn tượng. Tại sao lại bằng hai? Bởi vì trong cái không đó tất cả hình tượng, những pháp đối đãi đều nằm trong cái không đó. Cái không cũng như hư không, muôn pháp hiện hữu đều ở trong hư không, người, thú, cây, cỏ, núi, sông... tất cả đều nằm trong hư không. Nó chỉ là một mà đồng với hai, bởi vì mọi cái hai đều ở trong đó. Vì vậy cho nên nói nó bằng, nó trùm cả muôn tượng, không thua không kém.

*Bất kiến tinh thô, tinh là đẹp, thô là xấu; nếu không còn thấy cái này đẹp cái kia xấu, thì *ninh hữu thiên đặng*, đặng là bè đặng rồi ren. Nếu không thấy đẹp không thấy xấu, thì tâm chúng ta sạch hết mọi loạn tưởng lăng xăng, không nghiêng bên ưa thích, bỏ bên ghét.*

大 道 體 寬
無 易 無 難

小見狐疑
轉急轉遲

Âm:

*Đại đạo thể khoan,
Vô dị vô nan.
Tiểu kiến hồ nghi,
Chuyển cấp chuyển trì.*

Dịch:

**Đạo lớn thể rộng,
Không dễ không khó.
Hiểu cạn hồ nghi,
Càng gấp càng chậm.**

Giảng:

Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan. Ở trước nói chí đạo, ở đây thì nói Đại đạo. Chí đạo với Đại đạo cũng là một, là cái tâm thể rộng rang thênh thang đó vậy. Đại đạo không khó không dễ, khó dễ là hai bên, mà Đại đạo thì lìa hai bên, nếu ở hai bên thì mất Đại đạo.

Tiểu kiến hồ nghi, chuyển cấp chuyển trì. Người thấy thiếu cạn sanh ra nghi ngờ, càng gấp thì lại càng chậm. Bởi vì thấy cạn hẹp thì kẹt ở hai bên. Khi nghe nói Đại đạo rộng rang thênh thang không kẹt hai bên, bao trùm cả vạn tượng thì không thể tin được. Vì vậy thêm nghi ngờ, không tin được tâm mình. Từ đó sanh ra nhanh hay chậm, đều là lối chấp hai bên.

執之失度
 心入邪路
 放之自然
 體無去住

Âm:

*Chấp chi thất độ,
 Tâm nhập tà lộ.
 Phóng chi tự nhiên,
 Thể vô khứ trụ.*

Dịch:

**Chấp đó mất chừng,
 Ất vào đường tà.
 Buông đó tự nhiên,
 Thể chẳng khứ trụ.**

Giảng:

Chấp chi thất độ, tâm nhập tà lộ. Hễ chấp thì mất độ lượng, ấ rơi vào đường tà. Dầu chấp có hay chấp không cũng đều mất tâm thể thân thang rộng suốt. Người mà chấp có hay chấp không đều rơi vào đường tà.

Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ. Nếu buông tất cả thì cái thể chân thật không đi không trụ tự nhiên hiện tiền.

任性合道
逍遙絕惱
繫念乖真
昏沈不好

Âm:

*Nhậm tánh hợp đạo,
Tiêu dao tuyệt não.
Hệ niệm quai chân,
Hôn trầm bất hảo.*

Dịch:

**Nhậm tánh hợp đạo,
Tiêu dao tuyệt não.
Buộc niệm trái chân,
Hôn trầm chẳng tốt.**

Giảng:

Nhậm tánh hợp đạo, tiêu dao tuyệt não. Xứng với tánh thì hợp với Đạo, nếu sống với thể trùm khắp thì hợp với Đạo. Khi hợp với Đạo rồi thì rong chơi thảnh thơi, không loạn động buồn khổ.

Hệ niệm quai chân, hôn trầm bất hảo. Buộc niệm là trái với thể chân thật, còn hôn trầm thì không tốt. Đó là hai bệnh của người tu thiên hoặc hôn trầm hoặc buộc niệm; khi ngồi thiền, một lúc êm êm thì thấy mình đi chợ, thấy mình làm việc này việc kia... đó là hôn trầm.

Nếu không như vậy thì chăm chăm tìm lại một chỗ, nhưng tâm thể chân thật không do tìm mà được. Tâm thể chân thật thên thang trùm khắp, bây giờ tìm là tìm cái gì? Vậy mà người tu không biết, hoặc tìm hoặc buông, tìm thì trái với chân, buông thì theo ngũ dục. Chỗ này thật thiết yếu, chúng ta phải khéo không tìm mà cũng không buông. Nghĩa là niệm dấy lên thì thấy, thấy mà không theo, bởi không theo nên nó lặng, lặng một cách tự nhiên mà tỉnh sáng, chứ không tìm. Có người ngồi chăm chăm nhú chân mày, đó là tìm, là bệnh. Còn buông thì mắt nhắm lại thiu thiu ngủ gục, ngồi cứ gục gặc hoài. Như vậy buộc niệm đã không tốt mà hôn trầm cũng không được. Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: “Tĩnh tĩnh lặng lặng phải.” Tĩnh tĩnh là không hôn trầm, còn lặng lặng thì không tìm; không hôn trầm mờ mịt mà tự nhiên lặng sáng. Tìm quá thì đau đầu, không hợp với Đạo, còn buông thì hôn trầm mờ mịt cũng không thấy Đạo; gọi là ngồi trong hang quỷ. Như vậy mới nghe qua, thấy tu như dễ lắm, nhưng có tu rồi thì mới thấy khó; không tìm mà cũng không buông mới hợp với Đạo. Cái khó của người tu là ở chỗ đó.

不好勞神

何用疎親

欲趣一乘

勿惡六塵

Âm:

*Bất hảo lao thân,
Hà dụng sơ thân.
Dục thú nhất thừa,
Vật ố lục trần.*

Dịch:

**Chẳng tốt nhọc thân,
Đâu cần sơ thân.
Muốn đến nhất thừa,
Chớ ghét sáu trần.**

Giảng:

Bất hảo lao thân, hà dụng sơ thân. Hôn trầm là không tốt, dần dần lao tổn tinh thần, đâu có dùng sơ hay thân, không cần nghĩ đây là hợp với Đạo, kia là xa với Đạo. Còn sơ thân là còn hai bên.

Dục thú nhất thừa, vật ố lục trần. Muốn tiến đến con đường nhất thừa chớ ghét sáu trần. Tại sao vậy? Bởi vì người tu có hai quan niệm một là thọ lạc, hai là yếm thế. Người quan niệm thọ lạc cho rằng tu nên thụ hưởng, sắm cho đủ nhu cầu, ăn cho ngon, mặc cho đẹp, ở cho sang để được vui vẻ sung sướng. Còn người quan niệm yếm thế là chán ghét sáu trần, thấy sáu trần hại mình, làm chướng ngại đường tu, cho nên ghét nó, thấy nó như kẻ thù vậy. Hai quan niệm thụ hưởng và chán ghét sáu trần đều là bệnh; theo sáu trần là bệnh đành rồi, mà ghét sáu trần cũng là bệnh nữa.

Người chạy theo danh lợi là bệnh đành rồi, còn người sợ danh lợi quyến rũ cứ chửi bới danh lợi hoài cũng bệnh. Chửi bới danh lợi không phải là không ham danh lợi; vì ham danh lợi mà không được nên chửi bới. Cả hai đều là hiện tượng của bệnh hoạn, không ham không chửi mới đúng. Vì vậy muốn tiến đến con đường nhất thừa thì chớ ghét sáu trần, vì sáu trần không chướng, tại tâm mình chạy theo cảnh nên sanh chướng.

六 塵 不 惡
還 同 正 覺
智 者 無 為
愚 人 自 縛

Âm:

*Lục trần bất ố,
Hoàn đồng chánh giác.
Trí giả vô vi,
Ngu nhân tự phược.*

Dịch:

**Sáu trần không ghét,
Hoàn đồng chánh giác.
Kẻ trí vô vi,
Người ngu tự buộc.**

Giảng:

Lục trần bất ó, hoàn đồng chánh giác. Sáu trần không ghét, xoay lại thì đồng với chánh giác. Niệm ưa ghét là động loạn không hợp với Đạo.

Trí giả vô vi, ngu nhân tự phược. Người trí đối với sáu trần tâm thanh thản, không ưa không ghét nên gọi là vô vi, người ngu đối với sáu trần thì dính mắc. Người trí thấy danh thấy lợi coi như trò chơi, thản nhiên tự tại, vô vi, đâu cho sáu trần là hại. Nếu thấy hại là tại mình ngu chạy theo nó, thấy nó chướng ngại, nên tự trói buộc. Như vậy sáu trần không có lỗi, lỗi là tại tâm chúng ta mê.

法 無 異 法

妄 自 愛 著

將 心 用 心

豈 非 大 錯

Âm:

Pháp vô dị pháp,

Vọng tự ái trước.

Tương tâm dụng tâm,

Khởi phi đại thác.

Dịch:

Pháp không pháp khác,

Tự vọng ái trước.

**Đem tâm dụng tâm,
Há chẳng lầm to.**

Giảng:

Pháp vô dị pháp, vọng tự ái trước. Các pháp không có pháp nào khác hết, do chúng ta vọng niệm nên tự ái trước dính mắc. Tỷ dụ Phật dạy tu Tịnh độ và tu Thiền, tuy niệm Phật khác với Thiền, song chỗ cứu cánh không khác. Người niệm Phật niệm đến chỗ vô niệm, tức nhiên nhập được nhất tâm chân như, dùng một niệm để dẹp nhiều niệm, nhiều niệm dứt rồi thì một niệm cũng buông luôn. Người tu Thiền cũng vậy, hoặc dùng sổ tức để buông những tạp niệm khác, lần lần sổ tức cũng buông luôn, lặng lẽ thể nhập nhất tâm chân như. Như vậy tu Thiền đừng chê Tịnh độ, cũng như đừng theo Tịnh độ mà chê Thiền, chỗ cứu cánh không khác, khác là do nơi phương tiện. Biết phương tiện là cái tạm thời, tạm thời thì chấp trước yêu ghét làm gì?

Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thác. Đem tâm dụng tâm, đâu chẳng phải là lầm lớn. Đem tâm dụng tâm là thế nào? Đem tâm này dẹp tâm kia, đem tâm kia dẹp tâm nọ, như vậy là lầm lớn. Ví dụ người có tâm thích danh, vào tu rồi khởi niệm ghét danh, nói danh là xấu, cứ chửi bới chê bai nó, vậy là dùng tâm này để bỏ tâm kia, đó là lầm lớn là bệnh. Bởi vì nó không thật, mà chửi bới nó, dẹp nó để làm gì, biết nó không thật là đủ rồi.

迷 生 寂 亂
悟 無 好 惡
一 切 二 邊
妄 自 斟 酌

Âm:

*Mê sanh tịch loạn,
Ngộ vô hảo ố.
Nhất thiết nhị biên,
Vọng tự chiêm chước.*

Dịch:

**Mê sanh tịch loạn,
Ngộ không tốt xấu.
Tất cả hai bên,
Do vọng chiêm chước.**

Giảng:

Mê sanh tịch loạn, ngộ vô hảo ố. Do mê sanh ra phân biệt chấp trước, cho đây là loạn, kia là tịnh, người ngộ không thấy có tốt có xấu. Bởi chúng ta mê nên thấy hai bên, phân biệt chọn lựa đây là động, kia là tịnh, bỏ động ưa tịnh, tìm kiếm lăng xăng. Ngộ rồi thì không còn thấy tốt xấu hai bên nữa.

Nhất thiết nhị biên, vọng tự chiêm chước. Chiêm chước giống như giản trạch ở trước, nghĩa là thêm bớt.

Tất cả cái thấy hai bên đều do giản trạch thêm bớt mà ra cả. Thí dụ cho cái này là hay, cái kia là dở, cái này nói tốt cái kia nói xấu. Chính do phân biệt mà ra cả.

夢幻空華
何勞把捉
得失是非
一時放却

Âm:

*Mộng huyền không hoa,
Hà lao bả tróc.
Đắc thất thị phi,
Nhất thời phóng khước.*

Dịch:

**Mộng huyền không hoa,
Đâu nhọc nắm bắt.
Được mất phải quấy,
Một lúc buông bỏ.**

Giải:

Mộng huyền không hoa, hà lao bả tróc. Tất cả pháp chẳng khác nào là hoa đốm giữa hư không, nhọc gì phải nắm bắt. Người trí đối với sáu trần không dính mắc, là tại họ thấy nó như huyền như hóa. Người mê thấy nó thật, bám chặt, chấp giữ nên nhọc nhằn khổ đau.

Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khoáng. Được mất, phải quấy một lúc bỏ hết. Người nào đối với được mất, phải quấy một lúc ném hết thì được an ổn. Sở dĩ chúng ta bất an là tại thấy được mất, phải quấy... Ví dụ quý vị đi chợ bị mất một trăm đồng, tối ngồi thiền nghĩ không biết mình mất lúc nào, ở đâu, ngồi trên xe hay vào chợ? Cứ nhớ hoài, đến hết giờ ngồi thiền cũng một chuyện mất tiền. Lại như làm việc gì lợi lộc đến ngoài sức mình, cũng không yên, tìm lý do, tại sao mình được nhiều như vậy, nhờ phước sẵn có hay do mình khéo tính toán? Mất cũng làm cho mình loạn tâm mà được cũng làm cho mình loạn tâm. Phải quấy cũng vậy, nếu đối với người, tự cho mình xử sự tốt đối đãi tử tế, họ lại ăn ở tệ bạc với mình thì buồn trách. Khi nghĩ mình phải họ quấy lúc đó đã bất an rồi. Vừa thấy phải quấy được mất liền bất an, bây giờ ném quách nó đi thì tự an ổn.

眼若不睡
諸夢自除
心若不異
萬法一如

Âm:

*Nhãn nhược bất thùy,
Chư mộng tự trừ.
Tâm nhược bất dị,
Vạn pháp nhất như.*

Dịch:

**Mắt nếu chẳng ngủ,
 Các mộng tự trừ.
 Tâm nếu chẳng khác,
 Muôn pháp nhất như.**

Giảng:

Nhãn nhược bất thù, chư mộng tự trừ. Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như. Mắt nếu không ngủ thì các mộng tự dứt. Tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như. Thật rõ ràng, có ai mở mắt mà mộng không? Sở dĩ mộng là vì nhắm mắt ngủ, nên nói có mộng. Khi thức dậy rồi thì mộng liền hết. Cũng vậy, tâm nếu không khởi niệm này niệm khác thì tất cả pháp đều nhất như, thấy cái gì ra cái nấy. Ví dụ thấy cái bình màu xanh đúng là bình màu xanh, cái áo màu vàng đúng là áo màu vàng, không thêm một niệm nào, thì bình xanh đâu thành áo vàng, áo vàng đâu thành bình xanh. Tuy nhiên, tương bình xanh áo vàng mình vẫn thấy, nhưng không dấy niệm, nên nó cũng thành không, thấy cái gì cũng nhất như hết. Nhất như là do tâm không dấy niệm, không dấy niệm nên muôn pháp nhất như, rõ ràng như vậy.

一 如 體 玄
 兀 爾 忘 緣
 萬 法 齊 觀
 歸 復 自 然

Âm:

*Nhất như thể huyền,
Ngọt nhĩ vong duyên.
Vạn pháp tề quán,
Quy phục tự nhiên.*

Dịch:

**Nhất như thể huyền,
Ngờ ngáo quên duyên.
Muôn pháp đồng quán,
Trở lại tự nhiên.**

Giảng:

Nhất như thể huyền, ngọt nhĩ vong duyên. Nếu tâm được nhất như thì thể chân thật nhiệm mầu huyền diệu, bỗng quên hết các duyên.

Vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên. Đồng quán muôn pháp để trở về tự nhiên. Thấy tất cả muôn pháp như nhiên không có gì sai biệt, vì tâm nhất như nên muôn pháp cũng nhất như.

泯 其 所 以
不 可 方 比
止 動 無 動
動 止 無 止

Âm:

*Dân kỳ sở dĩ,
Bất khả phương tỷ.
Chỉ động vô động,
Động chỉ vô chỉ.*

Dịch:

**Sạch lý do kia,
Không thể so sánh.
Dừng động không động,
Động dừng không dừng.**

Giảng:

Dân kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ. Sạch hết mọi lý do thì không thể so sánh. Thường thường đối với các pháp, chúng ta khởi niệm phân biệt có lý do: Cái này tại sao nó đẹp, tại sao nó xấu, luôn luôn cứ tìm lý do, hễ tìm lý do thì đưa tới chỗ so sánh, hơn thua, phải quấy, tốt xấu. Nếu dứt được tâm niệm tìm lý do thì không còn cái gì có thể so sánh được nữa.

Chỉ động vô động, động chỉ vô chỉ. Dừng động không động, cái động đã dừng thì không còn dừng nữa. Tại sao vậy? Tâm không dấy niệm đối với các pháp, tức nhiên dừng động. Động dừng rồi mà không có niệm dừng để kìm nó nữa mới thật là dừng. Người tu không biết rõ, cứ dè vọng tưởng thì động lại càng động. Ở đây tu, tâm đối cảnh biết rõ mà không khởi niệm khác, bởi không có niệm khác nên không động, khi động dừng rồi cũng không khởi niệm dừng để kìm, đó mới là dừng chân thật.

兩 既 不 成
一 何 有 爾
究 竟 窮 極
不 存 軌 則

Âm:

*Lưỡng ký bất thành,
Nhất hà hữu nhĩ.
Cứu cánh cùng cực,
Bất tồn quỹ tắc.*

Dịch:

**Hai đã chẳng thành,
Một làm gì có.
Rốt ráo cùng cực,
Chẳng còn quy tắc.**

Giảng:

Lưỡng ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ. Cái hai đã không thành, thì cái một nào có được.

Cứu cánh cùng cực, bất tồn quỹ tắc. Rốt ráo cùng tột, không còn có quy tắc, khuôn phép. Khi tâm không đầy niệm phân biệt theo cảnh thì cái hai đã không còn, cái một cũng mất luôn, chỗ đó là cứu cánh cùng tột, tự tại bao dung thênh thang không ngăn mé, không mầu mực.

契心平等
所作俱息
狐疑盡淨
正信調直

Âm:

*Khế tâm bình đẳng,
Sở tác câu tức.
Hồ nghi tận tịnh,
Chánh tín điều trực.*

Dịch:

**Hợp tâm bình đẳng,
Sở tác đều dứt.
Hết sạch hồ nghi,
Chánh tín điều trực.**

Giảng:

Khế tâm bình đẳng, sở tác câu tức. Khi đó mới khế hợp với tâm bình đẳng của chính mình, các việc làm đều dứt bật, thì *Hồ nghi tận tịnh, chánh tín điều trực.* Mọi nghi ngờ đều sạch, ấy mới là lòng tin chân chánh, ngay thẳng, không còn cong vạy điên cuồng, Tổ gọi là Tín tâm.

一切不留
無可記憶

虛明自照
不勞心力

Âm:

*Nhất thiết bất lưu,
Vô khả ký ức.
Hư minh tự chiếu,
Bất lao tâm lực.*

Dịch:

**Tất cả chẳng lưu,
Không nên ghi nhớ.
Rỗng rang tự chiếu,
Chẳng nhọc tâm lực.**

Giảng:

Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức. Tất cả cảnh không quan tâm thì chẳng có gì để ghi nhớ. Bởi vì đã sống được với thể nhất như rồi thì không còn chứa chấp, nên đối với tất cả cảnh không giữ lại, cũng không ghi nhớ.

Hư minh tự chiếu, bất lao tâm lực. Tâm rỗng sáng tự chiếu, không nhọc sức dụng công. Chúng ta thường sống trái Đạo mà không biết, muốn sống hợp Đạo thì phải buông tất cả để tâm rỗng rang sáng suốt. Vì càng không niệm, không ký ức thì càng thanh thoi. Người thế gian đâu có chịu buông ký ức, cứ ghi cứ nhớ; cái gì cũng dồn cho đậm nhớ cho sâu, thành ra rối loạn, đau khổ. Nhớ nhiều là điên nhiều, mỗi khi ngồi lại

nhớ người này xử sự với mình tốt, người kia xử sự với mình xấu... Như vậy mà loạn tưởng cả ngày, không bao giờ thanh thoi. Ghi nhớ gốc từ mê lầm mà ra. Chúng ta hồi nhỏ có chuyện gì hay xảy ra thì lo ghi nhớ, làm được việc gì tốt cứ nhớ hoài, đi du lịch thấy cảnh đẹp sợ quên, lo chụp hình chụp ảnh để lâu lâu giở ra xem. Chứa trong đầu chưa đủ, còn ghi lại để ở ngoài nữa. Như vậy cả cuộc đời ghi không biết bao nhiêu thứ chuyện. Quá nhiều chuyện cho nên đầy nghẹt, do đó mà tâm không sáng. Bây giờ biết tu thì đừng có ghi, chuyện qua rồi thì thôi ghi làm chi cho mệt. Nếu tâm không tất cả thì nó rỗng rang tự chiếu, tự soi, đâu có nhọc công nhọc sức gì.

非思量處
 識情難測
 真如法界
 無他無自

Âm:

*Phi tư lương xứ,
 Thức tình nan trắc.
 Chân như pháp giới,
 Vô tha vô tự.*

Dịch:

**Chẳng phải chỗ suy,
 Thức tình khôn dò.**

**Chân như pháp giới,
Vô tha vô tự.**

Giảng:

Phi tư lương xứ, thức tình nan trức. Không phải chỗ để suy nghĩ, thức tình cũng không thể lường tới được. Chỗ đó là chỗ nào? Là chỗ *hư minh tự chiếu*. Người nào nói tôi dùng tâm suy nghĩ để tìm ra đạo lý, tìm ngàn đời cũng không được. Chỗ đó là chỗ rỗng rang tự chiếu, không phải do vọng lự mà tìm ra, càng dùng tâm thức để phân biệt tìm kiếm, lại càng không thể tới được. Xả bỏ ý thức thì tự nó hiện bày. Ngài Quy Sơn có một câu thoại đầu dạy đệ tử rằng: “Ông nên tư lương chỗ không thể tư lương”. Ông nên suy nghĩ chỗ không thể suy nghĩ. Chỗ không suy nghĩ làm sao mà suy nghĩ? Ngài dạy đệ tử buông hết đi thì tới chỗ “hư minh tự chiếu”. Chúng ta nghe vậy không biết, bóp trán hỏi: Làm sao suy nghĩ chỗ không suy nghĩ được? Đó là câu thoại đầu khéo.

Chân như pháp giới, vô tha vô tự. Chỗ hư minh tự chiếu cũng gọi là chân như cũng gọi là pháp giới, không còn thấy có mình có người. Quý vị có nhớ trong kinh Kim Cang Phật dạy chúng ta bỏ bốn tướng: “Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả” không? Bốn tướng ấy nằm trong tha và tự ở đây. Buông được bốn tướng đó mới có thể nhập được chân như pháp giới không ta không người.

要 急 相 應

唯 言 不 二

不二皆同
無不包容

Âm:

*Yếu cấp tương ứng,
Duy ngôn bất nhị.
Bất nhị giai đồng,
Vô bất bao dung.*

Dịch:

**Cần gấp tương ứng,
Chỉ nói bất nhị.
Bất nhị đều đồng,
Không gì chẳng dung.**

Giảng:

Yếu cấp tương ứng, duy ngôn bất nhị. Cấp thiết để tương ứng, chỉ nói là bất nhị. Muốn mau khế hợp chân như pháp giới thì phải sống với cái bất nhị. Sống không phân biệt hai bên đối đãi mới vào được chỗ đó, còn có hai thì không bao giờ thể nhập nổi.

Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung. Chỗ không hai đều là đồng, không có gì mà không trùm khắp.

十方智者
皆入此宗
宗非促延
一念萬年

Âm:

*Thập phương trí giả,
Giai nhập thử tông.
Tông phi xúc diên,
Nhất niệm vạn niên.*

Dịch:

**Kẻ trí mười phương,
Đều vào tông này.
Tông chẳng ngắn dài,
Một niệm muôn năm.**

Giảng:

Thập phương trí giả, giai nhập thử tông. Người trí mười phương đều vào tông này.

Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên. Tông này không phải co rút lại, không phải kéo dài ra, một niệm là muôn năm, muôn năm là một niệm. Ai biết một niệm là muôn năm? Thường thường trong đạo hay dùng chữ nhất niệm; nhất niệm là một niệm. Một niệm là thời gian rất ngắn, muôn năm là thời gian rất dài, nhưng thời gian không thật thì dài ngắn làm gì có thật. Thấy rõ thời gian không thật thì một niệm đồng với muôn năm. Chỉ còn nhất niệm chân như; đã là chân như thì ngàn đời cũng là chân như. Tâm này không ngắn cũng không dài, ngắn dài là chỉ cho thời gian. Bởi thời gian nên một niệm rất ngắn, muôn năm rất dài, thể nhập được chân như thì đâu có thời gian mà có dài ngắn.

無 在 不 在
 十 方 目 前
 極 小 同 大
 忘 絕 境 界

Âm:

*Vô tại bất tại,
 Thập phương mục tiền.
 Cực tiểu đồng đại,
 Vong tuyệt cảnh giới.*

Dịch:

**Không còn chẳng còn,
 Mười phương trước mắt.
 Rất nhỏ đồng lớn,
 Quên hẳn cảnh giới.**

Giảng:

Vô tại bất tại, thập phương mục tiền. Vô tại bất tại là không hiện hữu mà chẳng phải chẳng hiện hữu. Vì chân như không thuộc về thời gian, đối với không gian nó không có tướng mạo nên nó không có cái hiện tại mà chẳng phải chẳng hiện hữu. Tôi thường nói với quý vị, cái thấy của mình ở trước mắt. Nếu nó ở trước mắt là phải thấy, nhưng quý vị có thấy nó không? Không. Tại sao có thấy? Cái thấy dường như không phải hiện hữu

mà nó hiện hữu. Nếu buông tất cả thì nó sờ sờ trước mắt, chứ không phải không có. Tâm niệm lăng xăng lạng rôi, thì chân như không có gián cách gần xa, cho nên nói rằng mười phương đều ở trước mắt.

Cực tiểu đồng đại, vong tuyệt cảnh giới. Cái rất nhỏ đồng với cái rất lớn và quên hết cảnh giới. Đây nói về không gian, trong kinh Hoa Nghiêm có câu: “Trên đầu mảy lông có thể hàm chứa cả mười phương thế giới.” Trên đầu mảy lông rất nhỏ làm sao trùm cả mười phương thế giới? Hay núi Tu-di làm sao nhét trong hạt cải? Bởi vì đầu mảy lông và mười phương thế giới hay hạt cải và núi Tu-di tánh là không, nên dung hợp lẫn nhau được. Tất cả hiện tượng lớn nhỏ trong không gian này với mắt của kẻ mê thì thấy thật có sai khác. Nhưng với mắt của người ngộ thì thấy tướng mạo lớn nhỏ đều là giả tướng duyên hợp, nên tự tánh nó là không, tánh không ấy bình đẳng không còn lớn nhỏ thì dung hợp dễ dàng.

極大同小
不見邊表
有即是無
無即是

Âm:

*Cực đại đồng tiểu,
Bất kiến biên biểu.
Hữu tức thị vô,
Vô tức thị hữu.*

Dịch:

**Rất lớn đồng nhỏ,
 Chẳng thấy biên giới.
 Có chính là không,
 Không chính là có.**

Giảng:

Cực đại đồng tiểu, bất kiến biên giới. Cái rất lớn đồng với cái rất nhỏ, nên không thấy bờ mé tiêu biểu của nó. Trong tánh không của các pháp, lớn và nhỏ không khác nhau nên không có ranh giới lớn nhỏ.

Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu. Có tức là không, không tức là có. Tại sao? Theo tinh thần Bát-nhã, ngay nơi cái có thể tánh nó là không, do duyên hợp giả có nên nói là không. Không và có không rời nhau. Ngay nơi cái không là có, ngay nơi cái có là không, đâu còn hai bên nữa. Chữ Tức chỉ cho không còn kẹt ở hai bên, vừa lệch hai bên là đã sai rồi. Vì vậy chư tổ thấy Đạo hay dùng chữ Tức; phiền não tức Bồ-đề, sanh tử tức Niết-bàn... để chúng ta không còn thấy hai bên là thật.

若不如此
 必不須守
 一即一切
 一切即一

Âm:

*Nhược bất như thử,
Tất bất tu thử.
Nhất tức nhất thiết,
Nhất thiết tức nhất.*

Dịch:

**Ví chẳng như thế,
Quyết không cần giữ.
Một tức tất cả,
Tất cả tức một.**

Giảng:

Nhược bất như thử, tất bất tu thử. Nếu không như thế ắt không nên giữ. Nghĩa là ngay nơi có thấy là không, ngay nơi không thấy là có, không nên chấp giữ điều đó, vì còn thấy hai. Phải thấy tột các pháp là không hai, chỗ không hai đó mới là chân thật.

Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Một tức là tất cả, tất cả tức là một, điều này làm sao chúng ta biết? Mỗi người chúng ta đều có cái thân hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc nam hoặc nữ khác nhau. Bởi khác nhau nên thành nhiều người, nhiều người đó là tất cả. Nhưng tất cả người đó đứng về thân mà nói là do tứ đại hợp thành. Thân người này do tứ đại hợp thành thì thân người khác cũng do tứ đại hợp thành. Vậy một và tất cả đâu có khác. Như vậy, trong cái một nó đã hàm chứa tất cả, đó là nói về hình thức vật chất. Nói về tâm cũng vậy,

trên vọng tưởng của chúng ta mỗi người có muôn ngàn thứ vọng tưởng sai biệt, nhưng mà trên tâm thể lạng lẽ thì nó không khác. Vì vậy nên trên tâm thể đồng là một, tùy duyên thì nó hiện ra tất cả. Đứng về thể thì nói là một, đứng về dụng thì nói là tất cả. Thể và dụng không rời nhau. Một tức tất cả là từ thể mà nói ra dụng, tất cả là một là dụng quy về thể, không khác nhau.

但能如是
何慮不畢
信心不二
不二信心

Âm:

*Đản năng như thị,
Hà lự bất tất.
Tín tâm bất nhị,
Bất nhị tín tâm.*

Dịch:

**Chỉ được như thế,
Lo gì chẳng xong.
Tín tâm bất nhị,
Bất nhị tín tâm.**

Giảng:

Đản năng như thị, hà lự bất tất. Chỉ được như thế, nào lo chẳng xong. Được như thế là thấy tất cả

tướng dụng có sai biệt, nhưng thể thì không khác. Tướng dụng không rời thể, thể không rời tướng dụng. Tức là có chẳng rời không, không chẳng rời có. Chúng ta thấy tất cả pháp là không hai, lo gì mà chẳng xong, nhất định là sẽ viên mãn Bồ-đề.

Tin tâm bất nhị, bất nhị tín tâm. Tin tâm mình là chỗ không hai, tin được chỗ không hai là tin tâm mình. Tổ Tăng Xán và tổ Huệ Năng dạy không khác. Bài pháp đầu tiên của Lục Tổ nói với ngài Đạo Minh là “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Bản lai diện mục là tâm vậy. Muốn nhận ra Bản lai diện mục thì đừng nghĩ thiện đừng nghĩ ác, nghĩ thiện nghĩ ác là hai, nếu thấy hai thì không nhận ra Bản lai diện mục. Tin được tâm mình là không mắc kẹt ở hai, không mắc kẹt ở hai tức là tin được tâm mình. Người suy nghĩ phân biệt hai là mất tâm rồi, buông được cái chấp hai đó là Tin tâm. Quý vị có tin tâm mình chưa? Có tâm mà không chịu tin, vì bận sống với hai! Nói thì không hai mà suy nghĩ thì hai cho nên mất tâm mà chẳng hay. Bây giờ muốn tin tâm mình thì phải buông cái hai mới gọi là Tin tâm.

言 語 道 斷

非 去 來 今

Âm:

Ngôn ngữ đạo đoạn,

Phi khứ lai kim.

Dịch:

**Đường ngôn ngữ bật,
Chẳng xưa, sau, nay.**

Giảng:

Ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim. Con đường ngôn ngữ bật dứt, không xưa, sau, nay. Tới chỗ chí Đạo không còn nói xưa, nói sau, không còn nói nay nữa, bao nhiêu ngôn ngữ đều không thể bàn luận tới được. Vừa bàn luận tới là đã rơi vào hai rồi. Bật ngôn ngữ dứt được cái không hai, mới là Tin tâm mình. Tất cả chúng ta đang tu hành ai cũng đều nghĩ tu là tu tâm, vậy quý vị tu tâm nào? Tâm thiện hay tâm ác? Vừa nghĩ thiện nó mất tiêu, vừa nghĩ ác nó cũng mất tiêu. Vậy mà có lắm người nói: Thôi tôi không đi chùa, ở nhà tu tâm được rồi! Tâm là cái gì để mà tu chứ? Nếu nói nghĩ lành nghĩ dữ là tâm mình, thử tìm lại xem coi nó ra sao? Vừa nhìn lại thì nó mất hình mất dạng, nó không thật, cái giả dối làm sao mà tu? Ở đây nói tu tâm là buông hết những niệm thiện ác, chỉ còn một tâm thể nhất như, đó mới thật tâm mình. Biết được như vậy, thấy được như vậy mới gọi là Tin tâm mình. Người tu mà không Tin tâm thì thất tín, thất tín thì tu không được. Tu là trở về cái chân thật muôn đời, còn cái nghĩ tưởng lăng xăng, tự nó cuồng loạn là giả rồi mà tu cái gì? Cho nên ở đây Tổ nhắc chúng ta tin chắc nơi mình có cái tâm chân thật là phải buông chấp hai.

Bài này bốn câu đầu ngài dạy buông yêu ghét là hai bên. Rồi toàn bộ cả bài Minh đều bảo phải bỏ chấp hai mới là Tin tâm, chạy theo cái thấy hai thì không Tin tâm.

Tóm lại, loài người cho đến loài vật, từ những việc đối đãi trong thế gian đều nằm ở hai bên. Vì vậy cho nên bao nhiêu việc điên đảo nổi lên. Thấy nam thì nhớ tới nữ, thấy tốt thì nhớ tới xấu, thấy phải thì nhớ tới quấy. Như vậy mà điên đảo cuồng loạn hoài, là tại thấy hai đó. Dừng thấy hai thì tâm vọng lặng, thể nhất như rỗng rang hiện tiền. Đó là cội nguồn của sự tu hành. Tín tâm không phải là tin tâm thiện của mình, tín tâm là tin được cái tâm chân thật, không hai, nhớ rõ như vậy.

